

hưu hoặc chết; đối với nữ quân nhân có thai và sinh đẻ, đối với quân nhân dự bị và dân quân tự vệ ốm đau, bị thương, hoặc chết trong khi làm nhiệm vụ quân sự.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định tặng thưởng huân chương Lao động cho một số chuyên gia các nước anh em đã có công giúp Chính phủ và nhân dân ta trong công cuộc xây dựng đất nước.

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định về một số vấn đề thuộc về công tác xét xử của Tòa án nhân dân tối cao.

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH số 150-CP ngày 2-10-1964**  
về việc cấp giấy chứng minh,

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

*Để phục vụ lợi ích của nhân dân và góp phần giữ gìn trật tự trị an xã hội,*

*Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Công an,*

*Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 9 tháng 9 năm 1964,*

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Công dân nước Việt-nam dân chủ cộng hòa từ 18 tuổi tròn trở lên đều được cấp giấy chứng minh chứng thực căn cước của mình để tiện dùng trong việc đi lại, giao dịch hàng ngày.

Những người bị mất trí, những người đang bị giam giữ, đang bị quản chế đều không được cấp giấy chứng minh.

Quân nhân tại ngũ (trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang) có giấy chứng minh riêng do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quy định.

**Điều 2.** — Giấy chứng minh do Bộ Công an tổ chức cấp phát.

Nội dung và kích thước giấy chứng minh làm theo mẫu thống nhất kèm theo nghị định này (1).

Người được cấp giấy chứng minh phải trả tiền in giấy tờ.

**Điều 3.** — Người được cấp giấy chứng minh:

— Khi thay đổi họ, tên, thay đổi ngày, tháng, năm sinh hoặc khi thay đổi tình trạng hôn nhân, phải xin cấp giấy chứng minh mới sau khi đã làm thủ tục về khai báo hộ tịch.

— Khi thay đổi chỗ ở, thay đổi nghề nghiệp, thay đổi cơ quan công tác phải đem giấy chứng minh đến cơ quan Công an hoặc Ủy ban hành chính sở tại để ghi những sự thay đổi ấy vào giấy chứng minh.

**Điều 4.** — Khi giấy chứng minh bị hư nát phải xin cấp giấy chứng minh mới.

Khi mất giấy chứng minh phải báo ngay cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban hành chính nơi gần nhất và nơi mình thường trú.

Người bắt được giấy chứng minh của người khác phải đem nộp cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban hành chính nơi gần nhất.

**Điều 5.** — Người được tuyển vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vũ trang, người được phép ra nước ngoài mà không phải là công nhân, viên chức Nhà nước, trước khi nhập ngũ hoặc trước khi ra nước ngoài, phải đem nộp giấy chứng minh cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban hành chính nơi mình ở.

Công nhân, viên chức Nhà nước được cử ra nước ngoài công tác, học tập, trước khi đi phải nộp giấy chứng minh cho cơ quan, xí nghiệp nơi mình công tác.

Người được phép ra quốc tịch Việt-nam hoặc bị tước quốc tịch, người bị giam giữ, bị án quản chế phải nộp lại giấy chứng minh cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban hành chính nơi mình ở.

Thân nhân của người bị mất trí, người chết phải đem nộp giấy chứng minh của người đó cho cơ quan Công an hoặc Ủy ban hành chính nơi mình ở.

**Điều 6.** — Nghiêm cấm:

— Việc khai gian căn cước để xin cấp giấy chứng minh,

— Việc giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa hoặc tự ý ghi chép vào giấy chứng minh;

— Việc mua bán, cho thuê, cho mượn giấy chứng minh,

— Việc dùng giấy chứng minh của người khác hoặc dùng giấy chứng minh mà mình không còn được quyền dùng.

Người nào làm những điều sai trái như trên sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

**Điều 7.** — Bộ Công an sẽ quy định cụ thể việc tổ chức cấp phát giấy chứng minh.

Những người chưa được cấp giấy chứng minh vẫn dùng giấy thông hành và những giấy chứng nhận khác trong việc đi lại, giao dịch.

(1) Mẫu không đăng công báo.

**Điều 8.** — Nghị định này thay thế nghị định số 577-TTg ngày 27 tháng 11 năm 1957 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp giấy chứng minh.

**Điều 9.** — Ông Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn và quy định chi tiết thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 2 tháng 10 năm 1964

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

**NGHỊ ĐỊNH số 153-CP ngày 5-10-1964**  
**ban hành bản điều lệ tổ chức Hội**  
**đồng Trọng tài hàng hải Việt-nam.**

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ vào điều lệ Phòng Thương mại nước Việt-nam dân chủ cộng hòa được Hội đồng Chính phủ phê chuẩn trong nghị định số 58 - CP ngày 27 tháng 4 năm 1963,

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và sau khi đã nghe ý kiến của ông Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

**NGHỊ ĐỊNH :**

**Điều 1.** — Nay ban hành bản «Điều lệ tổ chức Hội đồng Trọng tài hàng hải Việt-nam» kèm theo nghị định này.

**Điều 2.** — Ông Bộ trưởng Bộ Ngoại thương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 5 tháng 10 năm 1964.

Quyền Thủ tướng Chính phủ

PHẠM HÙNG

**ĐIỀU LỆ**

**tổ chức Hội đồng Trọng tài**  
**hàng hải Việt-nam**

(Ban hành kèm theo nghị định số 153-CP ngày 5-10-1964 của Hội đồng Chính phủ)

**Điều 1.** — Hội đồng Trọng tài hàng hải Việt-nam được thành lập bên cạnh Phòng Thương mại nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

**Điều 2.** — Hội đồng Trọng tài hàng hải Việt-nam giải quyết và xét xử những tranh chấp về các vấn đề giao thông vận tải đường biển sau đây :

a) Việc thuê tàu, thuê lại đất, vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.

b) Công tác đại lý tàu biển.

c) Thủ lao về việc cứu giúp giữa các tàu biển, hoặc giữa tàu biển và tàu sông.

d) Tàu biển đâm nhau, tàu biển và tàu sông đâm nhau, tàu biển làm hư hỏng công trình kiến trúc hoặc thiết bị phục vụ cho việc giao thông đường biển ở trong hay ngoài phạm vi cảng.

e) Bảo hiểm hàng hải.

Hội đồng Trọng tài hàng hải có thẩm quyền giải quyết và xét xử :

1. Khi nào một bên hay cả hai bên đương sự là người nước ngoài hoặc tổ chức kinh doanh nước ngoài.

2. Nếu trước hay sau khi xảy ra tranh chấp, các bên đương sự đã thỏa thuận với nhau đưa việc ra trước Hội đồng Trọng tài hàng hải Việt-nam.

**Điều 3.** — Hội đồng Trọng tài hàng hải gồm 15 ủy viên do Ban trị sự Phòng Thương mại chọn trong số những người có nhiều kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải và ngoại thương, cử ra trong thời hạn ba năm.

**Điều 4.** — Các ủy viên Hội đồng Trọng tài hàng hải bầu ra chủ tịch, hai phó chủ tịch và một thư ký thường trực.

**Điều 5.** — Khi đưa vụ tranh chấp ra Hội đồng Trọng tài đề yêu cầu xét xử, mỗi bên đương sự được quyền chọn hoặc đề nghị chủ tịch Hội đồng Trọng tài chọn hộ mình một trọng tài cho mình trong danh sách các ủy viên của Hội đồng Trọng tài. Hai trọng tài được chọn sẽ cùng nhau chọn một trọng tài thứ ba trong danh sách các ủy viên của Hội đồng Trọng tài. Cả ba trọng tài được chọn sẽ họp thành Ủy ban Trọng tài để xét xử vụ tranh chấp.

Nếu trong thời hạn 15 ngày, hai trọng tài được chọn không thỏa thuận với nhau về việc chọn trọng tài thứ ba, chủ tịch Hội đồng sẽ chỉ định trọng tài thứ ba trong danh sách các ủy viên của Hội đồng Trọng tài.

**Điều 6.** — Các bên đương sự có thể thỏa thuận đề nghị chủ tịch Hội đồng Trọng tài hàng hải Việt-nam chọn một trọng tài chung trong danh sách các ủy viên Hội đồng để xét xử vụ kiện.

**Điều 7.** — Trong quá trình tố tụng trước Ủy ban Trọng tài hàng hải, các bên đương sự có thể tự mình, hoặc cử người thay mặt hợp pháp bên